

Số: 108/QĐ-ĐPTTH

Bình Định, ngày 16 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ báo cáo tài chính và quyết toán năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch tài chính và dịch vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng KHTC-DV và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC-DV.



Nguyễn Công Sơn



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-ĐPTTH ngày 16/ 5 /2025 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	QUYẾT TOÁN THU ,CHI , NỢP NGÂN SÁCH PHÍ , LỆ PHÍ, THU HOẠT ĐỘNG SX, CUNG ỨNG DỊCH VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	Số thu phí, lệ phí , thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.681,445242	5.681,445242	
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (chưa thuế VAT)	5.681,445242	5.681,445242	
3	Thu sự nghiệp khác			
II	Chi từ nguồn thu phí thu phí, lệ phí , thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ để lại	5.659,556919	5.659,556919	
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí			
1.1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi từ nguồn thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.659,556919	5.659,556919	
2.1	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	1.714,824600	1.714,824600	
2.2	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, quản lý	3.679,234235	3.679,234235	
2.3	Chi trích khấu hao tài sản cố định (Quỹ PTHĐSN)	177,944791	177,944791	
2.4	Chi khác theo quy định(trích lập các quỹ theo quy định)	52,531962	52,531962	
2.5	Kinh phí cải cách tiền lương (40% nguồn thu tại đơn vị)	35,021331	35,021331	
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
III	Số thu nộp NSNN	21,888323	21,888323	
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	21,888323	21,888323	
-	Thuế TNDN	21,888323	21,888323	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	28.406,284006	28.406,284006	
I	Nguồn ngân sách nhà nước	28.406,284006	28.406,284006	
	<i>Chi sự phát thanh, truyền hình</i>	<i>28.406,284006</i>	<i>28.406,284006</i>	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.071,054006	12.071,054006	
-	Chi thường xuyên(lương và các khoản đóng góp theo lương)	8.456,961521	8.456,961521	
-	Kinh phí khen thưởng	-	-	
-	Chi quản lý, chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	1.683,025209	1.683,025209	
-	Chi khác theo quy định (Trích lập các quỹ theo quy định)	1.931,067276	1.931,067276	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.335,230000	16.335,230000	
-	Kinh phí hoạt động và Đại hội Đảng bộ cơ sở	45,000000	45,000000	
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	740,080000	740,080000	
-	Kinh phí khen thưởng	513,000000	513,000000	
-	Chi thuê dịch vụ truyền dẫn, phát sóng kênh BTV tiêu chuẩn HD :	3.303,822000	3.303,822000	
+	Trên vệ tinh Vinasat - 2	2.025,822000	2.025,822000	
+	Trên hệ thống truyền hình kỹ thuật số	1.278,000000	1.278,000000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	11.733,328000	11.733,328000	
3	Chương trình mục tiêu	-	-	

Handwritten signature